TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20-01-2021
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Sơn Trường.
Bà Phạm Thị Châu Hoàng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 261/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thúy U - Sinh năm 1981 - Địa chỉ: Ấp 6, xã T, huyện B, tỉnh L. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 28-12-2020).

Bị đơn: Ông Võ Phi H - Sinh năm 1977 - Địa chỉ: Ấp 5, xã M, huyện Đ, tỉnh L. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 25-12-2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30-10-2020, các văn bản tiếp theo nguyên đơn bà Trần Thúy U trình bày: bà U và ông Võ Phi H cưới nhau năm 2004, có đăng ký kết hôn ngày 07-4-2004 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã M, huyện Đ, tỉnh L. Vợ chồng chung sống đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm về nhiều vấn đề trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây cãi nhau. Bà U và ông H đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Bà U yêu cầu ly hôn với ông H. Về con chung: có 01 con chung tên Võ Trần Khánh N (sinh ngày 01-01-2007). Hiện con chung đang sống với bà U. Bà U yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: không có tài sản chung, không có nợ chung nên bà U không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ.

Tại bản tự khai ngày 25-12-2020, ông Võ Phi H khai thống nhất với lời khai của bà U về điều kiện kết hôn, có 01 con chung, thời gian phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, không có tài sản chung, không có nợ chung. Ông H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà U. Về con chung, ông H đồng ý để bà U trực tiếp nuôi con chung, ông H không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: không có, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Bà Trần Thúy U khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Võ Phi H. Ông H cư trú tại huyện Đức Huệ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: ông H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên hòa giải 02 lần vì vậy đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà U và ông H vắng mặt tại phiên tòa và cả hai đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà U: bà U và ông H xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 07-4-2004 tại UBND xã M, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An nên quan hệ hôn nhân giữa bà U và ông H là hôn nhân hợp pháp theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Bà U và ông H khai thống nhất nhau về thời gian mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung và đều không có thiện chí đoàn tụ. Bà U yêu cầu ly hôn, ông H cũng đồng ý ly hôn. Như vậy tình trạng hôn nhân của bà U và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của bà U có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về nuôi con chung: Bà U và ông H cùng thống nhất để con chung tên Võ Trần Khánh N (sinh ngày 01-01-2007) cho bà U trực tiếp nuôi là phù hợp với nguyện vọng của con chung nên giao con chung cho bà U nuôi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà U không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không buộc ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà U và ông H cho rằng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà U là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án). Ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thúy U đối với ông Võ Phi H về việc "ly hôn";

Về hôn nhân: Cho bà Trần Thúy U được ly hôn với ông Võ Phi H.

Về con chung: Bà Trần Thúy U được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Võ Trần Khánh N (sinh ngày 01-01-2007). Hiện con chung đang sống với bà U. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, bà U và ông H được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thúy U phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà U đã nộp theo biên lai thu số 0008852 ngày 05-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Quý Tây (*ghi sổ hộ tịch*).

Trần Thị Bích Liên